TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đặng Văn Thuận
2. Bà Quách Thị Tình

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm: 1997
HKTT: Khu phố Ng, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Kp6, thị trấn K, huyện Th, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng S; Sinh năm: 1994
HKTT và địa chỉ hiện nay: Khu phố Ng, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024 và bản tự khai, chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Hồng S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tính không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ cuối năm 2024 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hồng Đ, sinh ngày 18/02/2017 và Phạm Đăng K, sinh ngày 21/7/2019. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025, anh Phạm Hồng S trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận bình thường, đôi lúc cũng có xích mích nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị H làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị H mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Nếu chị H nhất quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày. Nếu chị H nhất quyết ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H thay đổi yêu cầu về việc nuôi con chung. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng K và giao cháu Phạm Hồng Đ cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Hồng S; Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 21/7/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 18/02/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh S vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ vắng mặt anh S và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh S theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh S.

[5]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hồng S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy bản nhân dân xã T (nay là thị trấn K), huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/5/2016 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì sảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên bất hòa, cuộc sống không hạnh phúc. Chị H và anh S đã sống ly thân từ cuối năm 2024 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được chính quyền thị trấn K xác nhận là đúng thực tế và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. Mặc dù anh S mong muốn vợ chồng được đoàn tụ nhưng chị H nhất quyết yêu cầu dược ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Hồng S.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Xét thấy cháu K còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ, hiện nay cháu cũng đang ở với mẹ. Còn cháu Đ thì lớn hơn và hiện tại cháu cũng đang ở với bố và ông bà nội. Do đó, nên chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Hồng S.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 21/7/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng Đ, sinh ngày 18/02/2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị H, anh S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: BLTU/24/0003624 ngày 18/12/2024. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Hồng S. Chị H và anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- UBND thị trấn K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cúc